TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **217**/2025/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2025
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, VĨNH LONG – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Hoàng Mích
Ông Bùi Tuấn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 124/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Phạm Thị Thu H**sinh ngày 20/11/1991 (Vắng mặt)
Căn cước công dân số 083191013607, cấp ngày 09/8/2021.
Nơi cư trú: Ấp V, xã Đ, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp V, xã L, tỉnh L).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
1. Chị Võ Thị Thu H**,** sinh năm 2000 (Vắng mặt)
Căn cước công dân số 083300011285, cấp ngày 09/8/2021.
2. Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 2001 (Vắng mặt)
Số căn cước công dân: 083301004514, cấp ngày 03/7/2021.
Cùng nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh T (Nay là ấp Bình Đại 2, xã B, tỉnh V).
Tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 06/01/2025.

- *Bị đơn:* **Lê Thị D,** sinh năm 1972 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp V, xã Đ, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp V, xã L, tỉnh L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 27/5/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Võ Thị Thu H trình bày:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H có cho bà Lê Thị D vay tiền 02 lần số tiền là 120.000.000 đồng. Cụ thể:

-Lần 1 vào ngày 14/3/2023 âm lịch cho bà D vay 50.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay 01 tháng.

- Lần 2 vào ngày 17/4/2023 cho bà D vay 70.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay 01 tháng.

Cả 02 lần cho vay hai bên đều có làm giấy mượn tiền, bà D ký tên dưới mục người mượn tiền. Cả 02 lần cho vay bà D là người trực tiếp nhận tiền vay, bà D vay tiền để làm ăn. Số tiền vay này đến nay bà D chưa trả vốn gốc và lãi suất, bà H đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà D cứ hẹn nhưng không thực hiện.

Nay nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thu H số tiền vốn vay 120.000.000 đồng và tiền lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) tính từ ngày 03/6/2023 đối với số tiền vay lần 1 và ngày 04/7/2023 đối với số tiền vay lần 2) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Võ Thị Thu H, Nguyễn Thị Kiều O vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không có thay đổi và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 19/9/2025.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 27/5/2025, bị đơn bà Lê Thị D trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà Phạm Thị Thu H số tiền 120.000.000 đồng, vay làm 02 lần: lần 1 vay 50.000.000 đồng, lần 2 vay 70.000.000 đồng, vay có lãi suất. Số tiền vay này bà đã trả cho bà H được 25.000.000 đồng hiện còn nợ lại 95.000.000 đồng, số tiền vay này bà xin được trả dần, trả hằng tháng là 500.000 đồng đến khi hết nợ, riêng tiền lãi suất bà H yêu cầu bà xin không trả do bà H có nói với bà cho bà trả tiền vốn gốc.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành tốt theo quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Võ Thị Thu H, Nguyễn Thị Kiều O có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 19/9/2025. Bị đơn bà Lê Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để xét xử đến lần thứ 2 nhưng bị đơn bà Duyên vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Đơn khởi kiện nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bà Lê Thị D trả nợ vay nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét theo phạm vi đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H yêu cầu bị đơn bà Lê Thị D phải trả số tiền nợ vay 120.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 14/3/2023 âm lịch và ngày 17/4/2023 (Bút lục số 34, 35) do nguyên đơn bà H cung cấp đã thể hiện rõ số tiền bị đơn bà D có vay 02 lần tiền là 120.000.000 đồng (Lần 1 vay 50.000.000 đồng, lần 2 vay 70.000.000 đồng), viết bằng số và bằng chữ, thời hạn vay 01 tháng trả, có ghi lãi suất 2%/tháng, có chữ ký, họ tên đầy đủ của bên người mượn tiền Lê Thị D. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 27/5/2025, bị đơn bà Lê Thị D cũng thừa nhận nên Hội đồng xét xử công nhận, bà H không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bà D trình bày số tiền vay 120.000.000 đồng, bà đã trả được cho nguyên đơn bà H số tiền vốn gốc là 25.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 95.000.000 đồng; nguyên đơn bà H không thừa nhận và không đồng ý; bà D chỉ trình bày miệng. Tòa án có yêu cầu bà D giao nộp tài liệu, chứng cứ số 137 ngày 27/5/2025 (Bút lục số 28) nhưng bà D không có chứng cứ chứng minh; nghĩa vụ chứng minh là của bà D nhưng đến ngày xét xử sơ thẩm bà D không chứng minh được cho lời trình bày này của bà là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận

[1.3] Số tiền vay 120.000.000 đồng hiện nay bà D chưa trả cho bà H là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà Phạm Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị D phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 120.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu trả lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) tính từ ngày 03/6/2023 đối với số tiền vay lần 1 và ngày 04/7/2023 đối với số tiền vay lần 2 cho đến ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn bà H. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ lúc nhận tiền vay đến nay phía bị đơn bà D không có trả vốn, vi phạm thời hạn vay tiền hai bên đã thỏa thuận, mức lãi suất yêu cầu không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468

Bộ luật dân sự và thời gian yêu cầu phải trả lãi suất là phù hợp với quy định pháp luật, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi suất bà D phải trả cho bà Hương được tính như sau:

- 50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 28 tháng 27 ngày = 23.987.000 đồng.

(Ngày 14/3/2023 âm lịch nhằm ngày 03/5/2023 dương lịch đến ngày 30/9/2025)

- 70.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 26 tháng 26 ngày = 22.300.000 đồng

Tổng cộng số tiền lãi bà D phải trả là 46.287.000 đồng (23.987.000 đồng + 22.300.000 đồng).

[3] Tổng cộng tiền vốn gốc và lãi suất bị đơn bà D phải trả cho nguyên đơn bà H là 166.287.000 đồng (Gồm tiền vốn gốc 120.000.000 đồng, tiền lãi suất 46.287.000 đồng).

[4] Bà Lê Thị D có yêu cầu xin không trả lãi suất của số tiền nợ vay và xin trả dần số tiền nợ vay hằng tháng là 500.000 đồng đến khi hết nợ nhưng không được nguyên đơn bà H chấp nhận và các bên cũng không có thỏa thuận này. Đây là giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà D phải liên đới chịu án phí là: 166.287.000 đồng x 5% = 8.314.350 đồng (Tám triệu ba trăm mười bốn nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H đối với bị đơn bà Lê Thị D.

2. Buộc bà Lê Thị D phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H số tiền nợ vay 166.287.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng) (Gồm tiền vốn gốc 120.000.000 đồng, tiền lãi suất 46.287.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lê Thị D phải chịu án phí là 8.314.350 đồng (Tám triệu ba trăm mười bốn nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Thu H 3.905.600 đồng (Ba triệu chín trăm lẻ năm nghìn sáu trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008282 ngày 06/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự trong vụ án vắng mặt tại phiên Tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (Phòng KTNV&THA);
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương